

# Nghi lễ cúng tế nữ thần biển: Một vài so sánh giữa người Việt và người Hàn

Bùi Thị Thoa\*

Nhận ngày 10 tháng 8 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 10 năm 2024.

**Tóm tắt:** Tín ngưỡng thờ nữ thần nói chung và tín ngưỡng thờ nữ thần biển nói riêng là một trong những nét văn hóa đặc trưng của cư dân châu Á, trong đó có người dân Việt, Hàn. Cùng với nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian khác, tục thờ nữ thần biển đã và đang giữ một vai trò nhất định trong đời sống văn hóa tâm linh hai dân tộc. Thông qua nghiên cứu so sánh về nguồn gốc (lý lịch), nghi thức cúng tế một số nữ thần biển của người Việt và người Hàn; bài viết chỉ ra những tương đồng và khác biệt trong tục thờ này ở hai dân tộc trên các phương diện như thời gian, đối tượng, tiến trình thực hiện nghi lễ cúng tế cũng như tính chất lễ hội và lễ vật dâng thánh... Kết quả nghiên cứu cũng bước đầu lý giải một số nguyên nhân của những tương đồng và khác biệt đã chỉ ra.

**Từ khóa:** Nữ thần, nữ thần biển, nghi thức cúng tế, người Việt, người Hàn.

**Phân loại ngành:** Văn hóa

**Abstract:** The belief in goddess worship in general, and sea goddess worship in particular, is one of the typical cultural features of Asian communities, including the Vietnamese and Koreans. Along with other forms of folk belief, the worship of sea goddess has been playing a significant role in the spiritual and cultural life of both nations. Through a comparative study of the origins (backgrounds) and sacrificial rituals of some sea goddesses of the Vietnamese and Koreans, the article points out the similarities and differences in this worship custom in the two ethnic groups in terms of timing, objects of worship, process of performing sacrificial rituals, as well as the nature of festivals and the offerings to deities... The research results also initially explain some of the causes of the similarities and differences that were pointed out.

**Keywords:** Goddess, sea goddess, sacrificial ritual, Vietnamese, Korean.

**Subject classification:** Culture

## 1. Đặt vấn đề

Thờ nữ thần là sự suy tôn, thờ phụng các vị thần mang tính nữ. Từ xa xưa, con người đã tôn thờ các hiện tượng tự nhiên như trời, đất, sông, núi, mây, mưa... Về sau, các yếu tố ấy được “nâng cấp”, “nữ hóa”, “thần hóa” thành nữ thần, mẫu thần... Việc đồng nhất hiện tượng tự nhiên với giới tính nữ, trọng yếu tố nữ, hay khát vọng về sự sinh sôi nảy nở... cho đến việc tôn thờ các thần linh mang tính nữ... đã trở thành những nét đặc trưng trong đời sống văn hoá tâm linh của các cư dân châu Á, nhất là cư dân châu Á gió mùa trồng lúa nước, trong đó có người Việt và người Hàn.

Cũng như Việt Nam, phần lớn lãnh thổ Hàn Quốc được bao bọc bởi biển cả. Từ lâu, những đặc trưng văn hóa biển đã thấm đẫm trong đời sống văn hóa cư dân hai nước. Trên cơ sở sùng bái, tôn thờ nữ thần nói chung; thì niềm tin, sự sùng bái cùng khát vọng về khả năng che chở, phù hộ của các nữ thần biển ở cư dân Việt, Hàn cũng luôn thường trực. Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ nữ thần biển ở hai dân tộc đã giành được sự quan tâm của không ít nhà nghiên

---

\* Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Đà Lạt.

Email: thoabt@dlu.edu.vn

cứu. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về nữ thần nói chung là khá phong phú, song nghiên cứu riêng biệt, chuyên sâu về nữ thần biển có thể kể đến một số công trình như: Tìm hiểu sự hình thành truyền thuyết Tứ vị Thánh nương (Trần Thị An, 2009), Hiền thánh và tăng quyền, một khảo sát về tục thờ nữ thần biển ở Bắc bộ và Trung bộ (Trần Thị An, 2013), Tứ vị Thánh nương và hành trình của một vị nữ thần biển ở Việt Nam (Phạm Thị Thơm, 2018), Tháp Bà Thiên Ya Na - hành trình của một nữ thần (Ngô Văn Doanh, 2015), Thần nữ Thiên Ya Na trong đời sống cư dân vùng Thuận Hóa (Lê Đình Hùng, Tôn Nữ Khánh Trang, 2016), Vài đặc điểm thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam bộ (Nguyễn Ngọc Thơ, 2016), Hệ thống nữ thần biển trong tín ngưỡng thờ Mẫu và nữ thần ở Nam bộ (Phan Thị Yên Tuyết, 2013)... Nghiên cứu về nữ thần biển ở Hàn Quốc, có thể kể đến một số công trình như: Nghiên cứu về tục tế thần biển và các truyền thuyết trên đảo ở vùng biển phía đông Hàn Quốc (Jang Jong Yong, 2013), Các đặc điểm của vị nữ thần trong lễ hội Seo-Nang-je ở bờ biển phía đông Hàn Quốc (Kim Kyong Nam, 2013). Ngoài ra tục thờ này của người Hàn cũng ít nhiều được đề cập đến trong một số công trình khác như Tín ngưỡng dân gian phong tục Hàn Quốc (Choe Jun Sik, 2005), Văn hóa Hàn Quốc - Những bí ẩn (Joo Kang Hyun, 2006)... Ở những mức độ khác nhau, các nghiên cứu trên đã giới thiệu về nguồn gốc cũng như làm rõ quá trình du nhập, tiếp biến văn hóa để “định hình” chân dung một số vị nữ thần biển; đặc điểm, vai trò của một số nữ thần đối với hai dân tộc cũng được quan tâm làm rõ. Việc nghiên cứu so sánh giữa một trong các nữ thần biển được thờ ở Việt Nam (trường hợp Tứ vị Thánh nương) với “bản gốc” của các vị tại Trung Quốc cũng đã bước đầu được chú ý (Long Bằng, 2012). Tuy nhiên cho đến hiện tại vẫn chưa có công trình nào đặt vấn đề so sánh về nữ thần biển giữa hai dân tộc Việt, Hàn. Việc đi sâu vào so sánh về nghi lễ cúng tế nữ thần biển giữa hai dân tộc càng là khoảng trống. Dù vậy, những tư liệu và cách tiếp cận vấn đề từ các công trình đã kể trên chính là nguồn tài liệu tham khảo cũng như gợi mở hữu ích để chúng tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu. Thông qua các phương pháp chủ yếu như tổng hợp, phân tích so sánh với hướng tiếp cận từ góc độ lịch sử - văn hóa, bài viết sẽ tập trung chỉ rõ những tương đồng và khác biệt trên bình diện nghi lễ cúng tế nữ thần biển giữa người Việt và người Hàn. Đồng thời nghiên cứu cũng bước đầu phân tích một số nguyên nhân của những tương đồng, khác biệt.

## 2. Tổng quan về nữ thần biển trong văn hóa dân gian Việt, Hàn

### 2.1. Nữ thần biển ở Việt Nam

Tại Việt Nam, hệ thống nữ thần nói chung rất phong phú. Riêng về nữ thần biển có thể kể đến một số vị như sau:

- *Tứ vị Thánh nương*: Đây là tên gọi để chỉ bốn vị nữ thần gồm bà Dương Nguyệt Quả (mẹ của vị vua cuối cùng nhà Nam Tống) cùng hai công chúa Triệu Nguyệt Khiêu, Triệu Nguyệt Hương và nhũ mẫu). *Đại Việt sử ký toàn thư - Bản kỷ (quyển V)* có ghi chép về bà với nội dung: Năm Kỷ Mão (tức năm Thiệu Bảo thứ nhất 1279), sau khi bị quân Nguyên đánh úp, quân Tống thất bại nặng nề. Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu công vua Tống (Tống Đế Bính) rồi cùng quan quân nhảy xuống biển tự vẫn (Quốc sử quán triều Nguyễn - Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Sử học, 2006). Thái hậu và 2 công chúa vì thương tiếc nhà vua cũng nhảy xuống biển tự vẫn theo, thân xác trôi dạt đến cửa Cồn (Nghệ An). Người dân nơi đây đã vớt lên chôn cất và thờ tại Đền Cồn. Vì thế, Đền Cồn, xã Quỳnh Phương huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An chính là điểm phát tích thờ Tứ vị Thánh nương. Các làng người Việt ven biển dọc từ Bắc vào Nam cũng rất phổ biến tục thờ này. Đến Nam bộ, không chỉ cư dân ven biển mà cả nội địa (Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh...) cũng thờ Tứ vị Thánh nương.

- *Thánh Mẫu Thiên Ya Na*: Bà vốn là Nữ thần Poh Inur Nagar - vị thần sáng thế đầy quyền năng của người Chăm, được thờ phụng như một Mẫu thần (Ngô Đức Thịnh, 2009). Dần dần, do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi Ấn Độ giáo, bà được biết đến với tên gọi Bà Mẹ xứ sở, được thờ chủ yếu ở miền Trung. Khi Nam tiến đến miền Trung, quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa Việt - Chăm đã diễn ra mạnh mẽ. Nữ thần Poh Inur Nagar được Việt hóa thành một hình tượng mới - Thánh Mẫu Thiên Ya Na. Bà vừa là nữ thần cù lao, vừa là nữ thần biển... Quá trình Nam tiến tiếp theo của người Việt từ miền Trung tới miền Nam, Thánh Mẫu Thiên Ya Na và các con của bà (Cậu Tài, Cậu Quý) đã phát triển thành nhiều mô típ thờ tự (với ý nghĩa là tục thờ nữ thần biển của người dân Nam bộ) như mô típ thờ Bà - Cậu, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Chúa Ngung Man Nương, bà Chúa Hòn...; nhưng phổ biến hơn cả là Bà Chúa Xứ.

- *Thiên Hậu Thánh Mẫu*: Theo Vương Hồng Sển, bà có tên là Lâm Mặc Nương, sinh ngày 23/3/1044 tại đảo Mi Châu - Bồ Dương - Phúc Kiến. Cũng có truyền thuyết cho rằng bà sinh năm 960 tại đảo Mi Châu, Bồ Điền - Hưng Hóa - Phúc Kiến. Bà là vị thần biển đặc trưng nhất của Trung Quốc với nhiều truyền thuyết về sự cứu khổ cứu nạn những người đi biển bằng năng lực phi thường (Tĩnh Giác, 2023). Quá trình người Hoa di cư sang Việt Nam, tục thờ này được du nhập với mong muốn bà tiếp thêm niềm tin, giúp họ vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Quá trình cộng cư, tục thờ Thiên Hậu của người Hoa đã ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tâm linh của một bộ phận không nhỏ người Việt, nhất là người Việt ở Trung và Nam bộ. Thậm chí số cơ sở thờ Thiên Hậu của người Việt tại thành phố Hồ Chí Minh còn nhiều hơn cả của người Hoa (người Hoa có 7 cơ sở, trong khi người Việt có 17 cơ sở thờ Bà) (Phan Thị Hoa Lý, 2016: 418 - 419). Nghiên cứu khác lại cho thấy: "... một số miếu thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam bộ vận động trên trục thờ Mẫu của người Việt ở Nam bộ, trong đó xu hướng Việt hóa thể hiện dấu tích của Tam phủ" (Nguyễn Ngọc Thơ, 2016: 127).

- *Thủy Long Thánh Mẫu (Bà Thủy)*: Bà là một vị nữ thần có nguồn gốc Trung Hoa. Bà được thờ với tư cách là vị thần phù trợ người đi biển nói chung chứ không chỉ riêng người làm nghề chài lưới (Phan Thị Yến Tuyết, 2016). Ở người Việt, bà được thờ độc lập hoặc theo mô típ Bà Ngũ Hành (Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ).

- *Bà Chúa Thượng*: Do truyền tích nữ thần thường ở trong hang động của những ngọn núi miền biển đảo, đặc biệt là những hang sâu núi thẳm giữa biển khơi hoang dã, lại có khả năng trừng trị kẻ ác, nên bà được người dân Nam bộ ở các đảo, hòn thờ tự với mong muốn bà bảo hộ, che chở cho họ trong cuộc đấu tranh sinh tồn với thiên nhiên (Phan Thị Yến Tuyết, 2016).

- *Cô (trong lễ hội Dinh Cô)*: Đại Nam nhất thống chí ghi rõ: "Ngoài mồm núi có ngọn Thần Nữ, tục gọi mồm Dinh Cô, có một đồng vừa cát vừa đá, trước kia có người con gái chừng 17-18 tuổi bị bão dạt đến đây, được người địa phương chôn cất, sau đó mộng thấy người con gái ấy, tự xưng là Thị Cách đến đây giúp đỡ, người ta cho là thần, lập đền thờ nay vẫn còn" (Quốc sử quán triều Nguyễn - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Việt Sử học, 2006: 55).

- *Bà Cố Chủ*: Theo truyền thuyết, bà là người có công khai phá hòn đảo Lại Sơn (Kiên Hải, Kiên Giang). "... Người dân địa phương luôn tin rằng Bà Cố Chủ hiển thánh và linh ứng trừng trị kẻ ác. Tại vùng đảo xa khơi ở Nam bộ, Bà Cố Chủ còn biểu hiện như một dạng shamanism. Nếu ai đau ốm mà có lòng tin, bà sẽ nhập đồng chỉ cách lấy thuốc chữa khỏi bệnh" (Phan Thị Yến Tuyết, 2016: 75). Đến nay, hoạt động cúng tế bà tại xã Lại Sơn vẫn diễn ra theo mô thức dành cho bậc tiền hiền.

## 2.2. Nữ thần biển ở Hàn Quốc

- *Nữ thần biển Jumunjin/Chú Văn Tân của thành phố Jiam-Jil*: Theo Jang Jong Yong, bà vốn là một liệt nữ Ji ni đã cự tuyệt phục vụ các quan huyện. Sau khi sinh một bé trai, Ji ni

đã quyên sinh để bảo vệ sự trong trắng của mình. “Ji ni sau chết trở thành một oan hồn gây ra phong ba bão táp. Để xoa dịu vong linh của nàng, người dân chài đã lập đàn cúng lễ và sau này đưa nàng lên thành thánh mẫu Jumunjin” (Jang Jong Yong, 2013: 57).

- *Nữ thần biển ở Aninjin* (thành phố Giang Lăng): Truyền thuyết kể rằng, quan phủ sứ Giang Lăng đã từng dẫn theo quan kỹ lên núi Haeryeong để ngắm phong cảnh. “Người kỹ nữ trong lúc chơi đu chẳng may ngã xuống biển. Phủ sứ cho dân lập bàn thờ đá, khắc bia đề là Nữ thần biển, chí tế (tế ở bậc cao) vào mùa xuân và mùa hè” (Jang Jong Yong, 2013: 58).

- *Nữ thần biển ở Lý Thâm Cốc* (thành phố Giang Lăng): Jang Jong Yong (2013) cho biết khoảng 200 năm trước, Lee Don Hyung đã từng mơ thấy có người con gái đến từ Myungjeon, Gilju, Hamkyung-do. Trong giấc mơ ấy người con gái đã nói cô đang bị mắc lại trên phiến đá Bucheo giữa vùng Thâm Cốc và Jeongdong; hiển mộng cầu xin được cứu giúp. Sáng hôm sau, ông Lee tới chỗ phiến đá Bucheo, và tìm thấy hòm gỗ mắc phía trong cùng. “Trong hòm gỗ là một bức tranh vẽ hình nữ nhân. Bức tranh được an vị tại phiến đá Bucheo, nhưng do cảm thấy cô đơn nên đã hiển mộng để được chôn ở cánh rừng của làng” (Jang Jong Yong, 2013: 60). Năm 1897, tại nơi chôn bức tranh, người ta đã dựng một ngôi đền và còn đến bây giờ. Thánh mẫu làng Thâm Cốc được tế cùng với lễ sơn tế. Vào sáng sớm Tết Đoan Ngọ, phụ nữ trong làng lên núi, kết một sợi dây thừng dài 1m quấn quanh thân tre và bí mật tế lễ thần núi; đàn ông sẽ chọn ra một người làm quan tế thực hiện nghi thức cúng tế trong đền thánh mẫu. Điều này tạo nên một cấu trúc thành hoàng đôi.

- *Nữ thần biển ở Trúc đảo Giang môn động* (thành phố Giang Lăng): Truyền thuyết kể về một ngọn núi phía sau Ojukheon nằm trên đảo Trúc Giang Môn bị sập. Sau đó có một cái giỏ đã bay xuống và mắc vào cành tre. “Vị thần trong giỏ hiển mộng về cho bà lão nhiều tuổi nhất trong làng: “Chỗ ta ngồi chính là nhà của ta. Hãy xây cho ta một căn nhà”. Sau đó, khi đến đảo Trúc, bà lão mở chiếc giỏ thì thấy có đề mấy dòng chữ được viết lại với những miếng vải đỏ, xanh, vàng. Ngày hôm sau, vị thần tiếp tục hiện mộng, muốn được xây tường đất bao quanh và được thờ cúng. Sau đó vị thần hứa sẽ cầu lên thần thổ địa cho người ngư dân được mẻ cá lớn” (Jang Jong Yong, 2013: 61).

- *Nữ thần biển ở Tân Nam Lý* (thành phố Tam Trắc): Theo truyền thuyết: “Con gái một người ngư dân nọ lên phiến đá “than” trên biển Tân Nam hái rong biển và lá kim. Đang bận hái rong biển thì trời tối sầm nổi bão, cô gái không có ai giúp, rơi xuống biển chết. Phiến đá mà cô gái đã ngồi khóc than rồi chết gọi là đá “than”. Kể từ đó, mỗi khi có tai nạn xảy ra, người dân lại lập đàn thờ trên ngọn đồi bờ biển, tạc tượng hình dương vật từ gỗ cây tùng theo số lẻ để cầu xin tai ương được đẩy lùi” (Jang Jong Yong, 2013: 61).

### **3. Một số tương đồng và khác biệt về nghi lễ cúng tế nữ thần biển trong văn hóa dân gian Việt, Hàn**

Qua nghiên cứu về nguồn gốc cũng như nghi thức cúng tế một số vị nữ thần biển của hai dân tộc Việt, Hàn; bước đầu chúng tôi xin đưa ra một số tương đồng và khác biệt trên các phương diện như sau:

#### *3.1. Thời gian cúng tế*

*Thứ nhất: Cũng giống như người Việt, thời gian cúng tế các nữ thần biển được người Hàn thực hiện vào nhiều dịp trong năm.*

Ở người Việt, vía chính (lễ chính) của *Tứ vị Thánh nương* thờ tại Nghệ An được người dân tổ chức vào dịp tháng Giêng hàng năm. *Lễ hội Dinh Cô* (Vũng Tàu) - nơi thờ Cô Lê Thị Hồng được tiến hành từ mùng 10 đến ngày 12 tháng Hai âm lịch. Vía chính Thánh Mẫu Thiên Ya Na và Bà Thiên Hậu lại được tổ chức ngày 23 tháng Ba âm lịch hàng năm...

Cũng giống như ở Việt Nam, các nghi lễ cúng tế nữ thần biển của người Hàn cũng diễn ra vào nhiều dịp khác nhau trong năm: "... Lễ cúng tế nữ thần biển của làng Shinnam-ri diễn ra vào ngày 15 tháng Giêng và ngày cuối tuần đầu tiên của tháng 10 âm lịch hàng năm" (Kim Kyong Nam, 2013: 93). Trường hợp nữ thần biển ở làng Munam-ri lại được người dân tổ chức vào dịp tháng 5 hoặc tháng 6. Một ngày lành (sau ngày 10 tháng Tư âm lịch) hàng năm, người dân làng chài Ainjin-ri vùng Gangdong-myeon Gangreung-si sẽ tổ chức cúng tế nữ thần biển của họ. Tại làng Jumunjin, nghi lễ Pung-eo- gut cúng nữ thần biển sẽ được tổ chức hai lần trong năm vào ngày mùng 10 tháng Ba và ngày mùng 10 tháng Chín âm lịch (Kim Kyong Nam, 2013)...

Sở dĩ có điểm tương đồng trên đây, theo chúng tôi xuất phát từ nhiều yếu tố. *Thứ nhất*, hai dân tộc Việt, Hàn đều có hệ thống các vị nữ thần biển với nhiều truyền thuyết về nguồn gốc xuất hiện khá đa dạng. *Thứ hai*, với những quan niệm khác nhau về việc tổ chức lễ cúng tế (để tưởng nhớ các vị nữ thần) cũng như cầu mong sự phù hộ ban phước từ các vị nữ thần biển nên người Hàn và cả người Việt đã lựa chọn lễ vía chính (tế chính) cho các nữ thần vào ngày đản sinh hoặc húy kỵ của các vị nữ thánh. *Thứ ba*, ngoài những nguyên nhân vừa nêu, chúng tôi còn nhận thấy cả người Việt và người Hàn đều tồn tại một thực tế là việc lựa chọn thời gian cúng tế các vị nữ thần biển gắn với nhiều lý do khác mà chúng tôi sẽ trình bày cụ thể ở những nội dung sau.

*Thứ hai: Một số nghi lễ cúng tế nữ thần biển của người Việt và người Hàn đều được quy định cụ thể trong hương ước của làng.*

Tại Điện Trường Bà (Trà Xuân, Trà Bồng, Quảng Ngãi): Hàng năm, người dân nơi đây luôn kính cẩn thờ cúng, khói hương và tổ chức đầy đủ lễ tế theo các lệ xuân thu nhị kỳ và theo ngày vía bà (Thiên Ya Na). Cụ thể tại Điện Trường Bà, vào ngày 15 và 16 tháng Tư âm lịch hàng năm (cả người Việt và người Cor) cùng tổ chức lễ hội. Thời khắc giao thời giữa hai ngày, các lễ vật gồm bò, heo và nhiều vật phẩm khác sẽ được bày biện để cúng ngoài sân điện. Theo ghi chép tại *Địa chí Quảng Ngãi*, lễ tế ấy gọi là lễ ngoại đàn. Đó chính là một lễ thức vốn được quy định trong các hương ước xưa tại các làng xã mà nay nhiều nơi đã mất (Ý Thu, 2021).

Hầu hết các nữ thần biển ở Hàn Quốc được thờ tự với tư cách là thành hoàng làng. Do đó, việc tế tự cũng chủ yếu diễn ra một năm hai lần theo lệ "xuân - thu nhị kỳ". Trường hợp làng Jumunjin cúng nữ thần biển của họ một năm hai lần vào dịp mùng 10 tháng Ba và mùng 10 tháng Chín âm lịch. Trường hợp nữ thần biển ở Trục đảo Giang môn thành phố Giang Lăng cũng tương tự. Người dân nơi đây đều đặn vào ngày 15 tháng Giêng và 15 tháng Tám âm lịch sẽ mang lễ vật để dâng cúng nữ thần (Jang Jong Yong, 2013).

Bên cạnh một số điểm tương đồng kể trên, thời gian cúng tế các vị nữ thần biển của hai dân tộc Việt, Hàn vẫn tồn tại không ít sự khác biệt:

*Thứ nhất: Ở Việt Nam, ngoại trừ một số lễ cúng nữ thần biển được tổ chức theo lệ "xuân - thu nhị kỳ" do làng xã quy định; hầu hết các lễ này được diễn ra vào dịp húy/kỵ hoặc đản sinh của các vị thánh.* Tại Đại An Núi Chúa - nơi thờ Thánh Mẫu Thiên Ya Na, vía chính của bà được người dân tổ chức vào ngày 23 tháng Ba âm lịch (là ngày kỵ của bà). Tại cơ sở Chùa Bà (hay Chùa Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu) ở Cà Mau, vía chính của Bà lại được tổ chức vào ngày đản sinh, tức 23 tháng Ba âm lịch... Không giống ở Việt Nam, tại Hàn Quốc, việc tổ chức tế tự các nữ thần biển thường liên quan đến các phạm trù tế lễ thành hoàng và được tổ chức vào các dịp liên quan đến xuân - thu nhị kỳ. Nguyên nhân của sự khác biệt này theo chúng tôi có thể được giải thích rằng, hầu hết các vị nữ thần biển của người Hàn đều được thờ với tư cách là những vị thần làng (thành hoàng). Do đó, theo lệ làng và trong phạm trù thờ vị thần bảo hộ (chịu ảnh hưởng đậm nét từ văn hóa Trung Hoa) nên hình thức tế tự mỗi năm hai lần theo quan niệm "xuân - thu nhị kỳ" đóng vai trò chính yếu.

*Thứ hai: Ở Việt Nam, một nữ thần biển có thể được tổ chức lễ tế chính vào những thời điểm khác nhau ở những cơ sở thờ tự khác nhau.* Từ thực tế các lễ hội nữ thần nói chung và nữ thần biển nói riêng ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy trường hợp Bà Thủy đã và đang được người dân các địa phương tổ chức lễ vía chính (của cơ sở thờ tự) vào những khoảng thời gian khác nhau. Chẳng hạn tại cơ sở Dinh Bà (Thủy Long - Thánh Mẫu) tại Phú Quốc, vía chính của bà được tổ chức vào 15 tháng Giêng âm lịch. Tuy nhiên người dân Đầm Dơi (Cà Mau) lại tổ chức vía chính của Bà Thủy vào dịp 16 - 17 tháng Hai âm lịch hàng năm. Hiện tại, chúng tôi chưa nhận thấy trường hợp nữ thần biển nào mà có sự khác biệt về thời gian tế tự giữa các địa điểm khác nhau.

*Thứ ba: Nghi lễ cúng một số nữ thần biển của Hàn Quốc không có ngày cố ngày cố định mà chỉ có dịp cố định.* Qua nghiên cứu trường hợp nữ thần biển làng Munam-ri, chúng tôi nhận thấy việc lựa chọn thời gian tế lễ của người Hàn có điểm khá đặc biệt và thú vị. Tuy khoảng thời gian đã được định sẵn, nhưng ngày cụ thể sẽ được lựa chọn theo từng năm. “Vào tháng 5 hoặc tháng 6, thanh đồng sẽ chọn ngày lành từ ngày sinh của các cặp đôi trong làng” (Kim Kyong Nam, 2013: 95). Ở Việt Nam, nếu dịp tế lễ nữ thần không diễn ra vào đúng ngày đản sinh hoặc húy kỵ của vị thánh ấy thì người dân hoặc ban tổ chức lễ hội có thể lựa chọn ngày đẹp trong tháng (đã định) để tổ chức tế lễ. Tuyệt nhiên không có việc lựa chọn ngày tế lễ dựa vào ngày sinh của một cặp đôi nào đó trong làng.

*Thứ tư: Tần suất tổ chức lễ hội nữ thần biển ở hai dân tộc.* Ở Việt Nam, dù quy mô lớn hay nhỏ, nhưng các lễ hội tưởng nhớ, tri ân các nữ thần nói chung, nữ thần biển nói riêng thường được người dân tổ chức đều đặn hàng năm. Tuy nhiên ở Hàn Quốc, đặc biệt là những năm gần đây, một số lễ hội đã có hiện tượng thưa dần. Chẳng hạn, lễ cúng nữ thần biển ở làng Munam-ri dịp tháng 5 hoặc tháng 6 hàng năm. Trước đây cứ ba năm người ta tổ chức cúng lễ một lần. Hiện nay phải 5 năm người ta mới tổ chức một lần (Kim Kyong Nam, 2013). Lễ cúng nữ thần biển của làng chài Ainjin-ri vùng Gangdong-myeon Gangreung-si cũng ba năm mới tổ chức một lần (Kim Kyong Nam, 2013). Trường hợp nữ thần biển làng Jumunjin cũng tương tự. Trước đây, người ta thường tổ chức tế lễ hai lần trong một năm và cứ ba năm lại tổ chức tế lễ. Hiện tại làng Jumunjin không còn tổ chức tế do sợ ảnh hưởng đến môi trường.

### 3.2. Đối tượng thực hiện nghi thức cúng tế và người tham gia

#### 3.2.1. Đối tượng thực hiện tế lễ

Cũng như người Việt, hầu hết những người tham gia nghi thức tế lễ nữ thần biển ở người Hàn đều được chọn từ người dân trong làng. Tiêu chí để lựa chọn thành viên đội tế (cả đội tế nam và nữ) thường là những người có đạo đức tốt, gia đình hạnh phúc, có khi là gái đồng trinh... Dần dần một số làng cũng hình thành được những đội tế cơ bản “chuyên nghiệp”, có thể thực hiện công việc này trong một số năm, tất nhiên là các thành viên không hoàn toàn cố định mà có thể thay đổi tùy theo từng năm. Chủ tế là người được lựa chọn trong số các thành viên đội tế, là người có kinh nghiệm trong thực hành nghi lễ.

Không giống như người Việt, ngoài các thành viên như đã nói trên đây, thành phần đội tế của người Hàn còn có sự xuất hiện của một số *mudang*/thanh đồng (có thể gồm một bà đồng chủ lễ và một số đồng cô, đồng cậu khác). Cùng với chủ tế, nhóm *mudang* (mà chủ yếu là bà đồng chủ lễ) sẽ là những người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức các nghi lễ tế thần. Bà cùng với các đồng cô, đồng cậu sẽ thực hiện các giai đoạn của nghi lễ Pung-eo-gut để tế thần linh. Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, ở Việt Nam, dù cho có những tiêu chí để chọn các thành viên tham gia tế lễ, song cho đến nay vẫn chưa có quy định cụ thể nào về việc

các thanh đồng tham dự các nghi lễ này. Sở dĩ có điều này theo chúng tôi xuất phát từ quan niệm của người Hàn có sự “nhập nhằng” giữa các loại hình tín ngưỡng dân gian khác. Đối với họ hầu hết tất cả các loại hình tín ngưỡng dân gian khác nhau đều được hiểu chung là shaman giáo. Từ đó dẫn đến việc xuất hiện vai trò chủ đạo của các *mudang* (thanh đồng) trong nghi lễ tế tự nữ thần biển (thần làng).

### 3.2.2. Người tham gia

Là một trong những loại hình tín ngưỡng dân gian đặc trưng, tục thờ nữ thần biển ở hai dân tộc đã và đang giữ vai trò quan trọng nhất định trong đời sống tâm linh cư dân Việt, Hàn. Trong suốt diễn trình lịch sử, nghi lễ thờ cúng các vị nữ thần với mong muốn cầu cho mưa thuận gió hòa, thuận buồm xuôi gió, tôm cá đầy thuyền... đã được người dân hai nước tổ chức trang nghiêm và long trọng. Vì thế cũng giống như ở Hàn Quốc, đối tượng tham gia nghi lễ cúng tế nữ thần ở Việt Nam chủ yếu là nam phụ lão ấu trong vùng, các vùng lân cận. Thậm chí ngày nay, việc tổ chức lễ hội tại nhiều khu đền thờ chính các vị nữ thần biển ở Việt Nam như Đền Cờn (Nghệ An), Đền Thánh Mẫu Thiên Ya Na (Đại An - Núi Chúa, ở Khánh Hòa)... còn thu hút người dân các tỉnh thành khác trong cả nước và du khách quốc tế...

## 3.3. Tính chất lễ hội và lễ vật dâng thánh

### 3.3.1. Tính chất lễ hội

Thực tế cho thấy các lễ hội gắn với tục thờ nữ thần biển được tổ chức hàng năm ở Việt Nam chỉ có một số lễ hội mang đậm tính chất cầu ngư. Có thể kể đến lễ hội Đền Cờn (Nghệ An) - nơi thờ Tứ vị Thánh nương. Với mục đích cầu cho quốc thái, dân an, trời yên biển lặng, cho ngư dân đi biển được mùa bội thu... đã cho thấy tính chất của một lễ hội nghề nghiệp (lễ hội cầu ngư) được thể hiện khá rõ nét. Trong phần *lễ* của lễ hội Đền Cờn, chúng ta có thể chứng kiến cảnh các nam thanh niên khiêng kiệu, tung kiệu chạy dọc bờ biển (tục gọi là *Chạy ới cầu ngư*). Theo quan niệm của người dân địa phương, tục *Chạy ới* mang ý nghĩa cầu mong một năm mới mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, quốc thái dân an. Đồng thời, nghi lễ này cũng thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau của cộng đồng. Cũng trong lễ hội này, người dân còn chuẩn bị 6 chiếc tàu trang trí lộng lẫy dọc theo sông ra biển để tham dự lễ cầu ngư. Lễ hội Dinh Cô của cư dân ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu cũng mang đậm tính chất cầu ngư. “Ngày xưa trong văn tế ghi rõ đây là lễ Cầu Ngư: “Xuân thiên kì ngư chi lệ/tịch hiến hoa nhứt diên” (tức là: Theo lệ cầu ngư mùa xuân, mở một cuộc lễ dân hoa” (Phan Thị Yến Tuyết, 2016: 76).

Khác với người Việt, hầu hết lễ hội gắn với tục thờ nữ thần biển của người Hàn đều mang đậm tính chất cầu ngư. Quy mô của nghi lễ này được gọi là Pung-eo-gut (một lễ *gut* - dạng thức shaman giáo, quy mô làng xã - *maeul gut* - do các *mudang* thực hiện). Theo chúng tôi căn nguyên của sự khác biệt này xuất phát từ “lý lịch/thần phả” các nữ thần. Như trên đã trình bày, hầu hết nữ thần biển mà người Hàn đang thờ tự vốn từng là những cô gái phạm trần, chết trên biển (với nhiều lý do khác nhau) khi còn đồng trinh. Sau khi mất, các cô thường hiển linh, có khi là giúp đỡ, có khi là quấy phá (trường hợp lòng lộn quấy phá là chủ yếu, khiến công việc của ngư dân gặp nhiều khó khăn). Do đó, các nghi lễ tế nữ thần của cư dân ven biển Hàn Quốc trước hết phải gắn chặt với mong muốn cầu xin các cô phù hộ cho trời yên biển lặng, cho thuyền bè ra khơi an toàn, cho tôm cá đầy khoang... Do đó, xét từ yếu tố thực dụng/ “mì ăn liền” của các loại hình tín ngưỡng dân gian nói chung, nghi lễ tế nữ thần biển của người Hàn nói riêng đã cho thấy tính chất cầu ngư là đậm nét nhất.

Ở người Việt, ngoài một số lễ hội vừa nêu trên, hầu hết các lễ hội nữ thần biển khác không gắn bó mật thiết với lễ cầu ngư. Lý giải cho thực tế này, theo chúng tôi xuất phát từ việc người Việt thờ cúng các vị nữ thần biển (chẳng hạn trường hợp Thánh Mẫu Thiên Ya Na, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Bà Thủy...) với ý nghĩa là phù trợ cho quốc thái dân an, phù trợ cho người đi biển nói chung chứ không phải chỉ chuyên cho ngư dân chài lưới và đánh bắt nơi biển cả.

Thực ra ở Việt Nam, vai trò của các lễ hội cầu ngư cũng không hề kém phần đặc sắc, thậm chí còn là món ăn tinh thần không thể thiếu được của cư dân ven biển khu vực Trung, Nam bộ. Một loại hình lễ hội tín ngưỡng gắn với tục thờ Cá Ông (Ông Nam Hải). Tuy nhiên trong bài viết này, chúng tôi chỉ đặt vấn đề so sánh tục thờ nữ thần biển.

### 3.3.2. Lễ vật dâng thánh

Lễ vật dâng thánh thể hiện lòng thành kính, sự tri ân của người dân đối với các bậc thần linh. Nó cũng là một thành tố quan trọng tạo nên sự linh thiêng và thành công cho một buổi lễ. Bên cạnh sự tương đồng, nội dung này ở hai dân tộc cũng có những khác biệt:

Tương tự như người Việt, lễ vật thường thấy trong lễ tế nữ thần biển ở người Hàn cũng bao gồm các lễ mặn và lễ chay. Đó là các nông sản địa phương được sử dụng theo hình thức mùa nào thứ ấy. Ở Hàn Quốc: “Người ta phải chuẩn bị vật phẩm như dùng trong tế lễ gồm bánh gạo hấp đậu adzuki, rượu, trái cây và cá khô, hải sản...” (Kim Kyong Nam, 2013: 94). Ở người Việt có thể kể đến hương, đăng, hoa tươi, trái cây, trầu cau, vàng mã, xôi, thịt (gà, vịt, heo quay), rượu, các loại bánh ngọt bán sẵn hoặc bánh đặc trưng từng vùng miền do người dân làm dâng thánh...

Ngoài các lễ vật thường thấy theo dạng mùa nào thức ấy như vừa nêu, chúng tôi còn nhận thấy một loại lễ vật đặc biệt (không thể thiếu) mà các làng chài ven biển Hàn Quốc dâng lên các nữ thần chính là chiếc dương vật bằng gỗ. Lễ vật đó được tạc bởi một trong số 7 - 8 người hành lễ. Người được chọn để tạc dương vật không được tiết lộ việc anh ta được giao và cũng không được để bất cứ ai thấy vật tế đó trước khi tiến hành nghi lễ. Tất cả các nghi lễ tế nữ thần biển ở Hàn Quốc đều có sự xuất hiện của vật tế bằng gỗ hình dương vật. Lý do xuất hiện của vật tế “đặc biệt” ấy có lẽ là một “giải pháp” ứng phó linh hoạt. Bởi các truyền thuyết về nữ thần biển của người Hàn đã cho thấy, hầu hết đó là các cô gái đồng trinh, chết khi chưa lập gia đình. Người Hàn gọi loại ma gái đồng trinh là son-kak-si. Cư dân này cũng quan niệm rằng đó là loại ma đáng sợ nhất. Do đó một giải pháp theo kiểu “trần sao âm vậy” đã được người Hàn ứng dụng đó là gửi những “của quý” của nam giới tới các ma trinh nữ để các cô được “thỏa mãn” và không còn lòng lộn, quậy phá nữa (Cao Thế Trình, 2019).

### 3.4. Tiến trình lễ hội

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt nhất định trong tiến trình thực hiện lễ hội/vía chính các vị nữ thần biển giữa hai dân tộc:

Đối với người Việt, tất cả các lễ hội nói chung, lễ hội liên quan đến nữ thần biển nói riêng, dù quy mô lớn hay nhỏ, thời gian tổ chức dài hay ngắn đều có 2 phần rõ ràng là phần *lễ* và phần *hội*. Trong phần *lễ*, tùy vào truyền thuyết/ “gốc gác” cụ thể của các nữ thần mà nghi lễ tế tự cũng được tiến hành với những hoạt động cụ thể, phù hợp. Chẳng hạn vía Bà Thiên Hậu tại Hội An (ngày 23 tháng Ba âm lịch): Phần lễ có nhiều hoạt động, tiêu biểu là nghi lễ tắm tượng (*lễ mộc dục*) để lau sạch bụi bẩn cho tượng bà, sau đó khoác áo choàng và đeo trang sức mới cho bà; phần hội có múa lân và nhiều trò chơi dân gian vùng. Lễ hội Đền Cờn ở Nghệ An nơi thờ Tứ vị Thánh nương (ngày 23 tháng Ba âm lịch): Phần lễ gồm lễ khai quang, lễ rước kiệu, lễ yết cáo, lễ cầu ngư, lễ đại tế, tục Chạy ói... Phần hội được diễn ra sau đó với các hoạt động cờ thẻ, đua thuyền, kéo co, đẩy gậy, giải bóng chuyền... Trong lễ hội Dinh Cô tại Vũng Tàu



(ngày 12 tháng Hai âm lịch): Từ sáng sớm, các ghe thuyền sẽ quay hướng ra biển làm lễ nghinh Cô. Ban tổ chức sẽ chọn một chiếc ghe của dân chài được coi là đi biển giỏi nhất trong năm dẫn đầu; trên ghe có ngai, long vị Cô cùng các vị trong ban nghi lễ, các bô lão cao niên với lễ phục trang nghiêm và đội lân sư rồng. Đoàn ghe thuyền nối đuôi nhau ra khơi trong tiếng trống vang trời. Sau khi đi được khoảng 2-3 hải lý (đến vị trí được cho rằng là nơi Cô tử nạn), ông chánh bái sẽ bắt đầu nghi lễ rước Cô cùng các vị thần linh, ông bà tổ tiên cùng về đình ăn giỗ... Trong phần hội, nhiều hoạt động được tổ chức như thả đèn hoa đăng, đánh trống, chiêng, đua thuyền và hát bả trạo, đan lưới, cột lưới, đi cà kheo trên cát, ném còn, thả diều...

Ở người Hàn, các nguồn tài liệu thu thập được cho thấy, nghi lễ cúng tế nữ thần biển (Pung-eo-gut) của các làng ven biển về cơ bản đều được thực hiện đầy đủ và tuân tự theo các bước sau: 1. Bu Jeong-gut, 2. Gol-Mae-Ea-gut, 3. DangMaJi-gut, 4. Cheongzwa-gut, 5. Gakdaejosang-gut, 6. Sejon-gut, 7. SeongJu-gut, 8. Shimcheong-gut, 9. Dakdaeksonnim-gut, 10. Jae-Myeon-gut, 11. Gun-Eung-gut, 12. Yongwang-gut, 13. Daegeori-gut (Kim Kyong Nam, 2013). Dù cho tên gọi của một hoặc một vài giai đoạn trong nghi lễ tế nữ thần biển tại một số ngôi làng Hàn có thể khác nhau đôi chút, song các lễ tế đều trải qua tất cả 13 giai đoạn.

Sự khác biệt trên đây cho thấy, ở Việt Nam, tùy theo tính chất, đối tượng thờ phụng và cả đặc trưng văn hóa vùng miền... mà nội dung các hoạt động trong phần lễ của mỗi lễ hội sẽ khác nhau; không có quy định cụ thể (cứng nhắc) cho tất cả các lễ hội. Sự khác biệt ấy cũng cho thấy tính đa dạng, phong phú trong thực hành tín ngưỡng thờ nữ thần biển của người Việt. Ngược lại ở Hàn Quốc, việc tuân thủ đầy đủ 13 bước trong nghi lễ tế tự cho thấy sự “chuẩn hóa” “khôn mẫu” trong quá trình thực hành nghi lễ. Bản thân sự “chuẩn hóa” này cũng chứng tỏ rằng nghi lễ tế tự các nữ thần biển của người Hàn được vận hành theo khuôn khổ một nghi lễ *gut* đậm chất shaman giáo.

#### 4. Kết luận

Thông qua việc đặt vấn đề so sánh về nghi thức cúng tế nữ thần biển giữa người Việt và người Hàn, bước đầu chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau:

*Thứ nhất:* Nghi thức cúng tế nữ thần biển của người Việt và người Hàn đều diễn ra vào nhiều dịp khác nhau trong năm. Loại hình tín ngưỡng này ở cả hai nước đã và đang thu hút được sự tham gia của đông đảo người dân trong vùng, quanh vùng và nhiều vùng miền khác nhau trong nước và thậm chí cả khách du lịch. Dấu ấn của lễ hội cầu ngư cũng là một điểm tương đồng tiếp theo trong nghi lễ thờ cúng nữ thần biển của hai dân tộc.

*Thứ hai:* So với người Việt, tính chất cầu ngư trong các nghi lễ tế nữ thần biển ở người Hàn đậm nét hơn, trong khi hầu hết các nghi lễ cúng tế nữ thần biển của người Việt được tổ chức với ý nghĩa cầu cho quốc thái dân an, cho những người đi biển nói chung.

*Thứ ba:* Ở người Việt, dù quy mô các nghi lễ tế nữ thần biển ở từng địa phương có thể không giống nhau, nhưng người dân thường đều đặn tổ chức hàng năm. Trong khi ở người Hàn, tần suất có thể rất thưa từ 3-5 năm mới tổ chức một lần, thậm chí một số làng ven biển đã bỏ hẳn nghi lễ tế này.

*Thứ tư:* Do được tổ chức với quy mô của một nghi lễ *gut* (Pung-eo-gut) nên thành phần ban tế lễ của người Hàn có sự xuất hiện của một số *mudang* (một bà đồng và nhiều đồng cô đồng cậu khác). Người Việt hoàn toàn không có quy định này.

*Thứ năm:* Xuất phát từ tính chất cầu ngư cũng như “giải pháp ứng xử” đối với các nữ thần biển (vốn là trinh nữ chết trẻ), nên trong các lễ vật người Hàn dâng cúng có một hiện vật đặc trưng là sinh thực khí nam được tạc bằng gỗ. Tất cả các nghi lễ tế nữ thần biển tại các làng chài ven biển Hàn Quốc đều thực hiện nghi thức dâng cúng nữ thần biển lễ vật này.

## Tài liệu tham khảo

- Bùi Thị Hoa. (2016). Tín ngưỡng thờ nữ thần ở huyện ven biển Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau - Từ góc nhìn văn hóa biển. Bài in trong sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Cao Thế Trình. (2009). Tục thờ sinh thực khí trong tín ngưỡng phồn thực (saeng sik sin ang) ở người Hàn. *Tạp chí Đông Bắc Á*. Số 1.
- Choe Jun Sik. (2005). *Tín ngưỡng dân gian trong phong tục Hàn Quốc*. Nxb. Đại học Nữ sinh Y hoa.
- Jang Jong Yong. (2013). Nghiên cứu về tục tế thần biển và các truyền thuyết trên đảo ở vùng biển phía đông Hàn Quốc. Trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Thế giới.
- Joo Kang Hyun. (2006). *Văn hóa Hàn Quốc - những bí ẩn*. Nxb. Hankire Seoul.
- Kim Kyong Nam. (2013). Các đặc điểm của vị nữ thần trong lễ hội Seo-Nang-je ở bờ biển phía đông Hàn Quốc. Trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Thế giới.
- Lê Đình Hùng - Tôn Nữ Khánh Trang. (2016). Thần nữ Thiên Ya Na trong đời sống cư dân vùng Thuận Hóa. Trong sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- Long Bằng. (2012). Truyền thuyết và lễ hội về Tứ vị Thánh nương ở đền Lộ (Hà Nội) qua đối sánh với truyền thuyết và lễ hội về Dương Thái Hậu ở điện Mẫu (Tân Hội, Trung Quốc) [Luận văn Thạc sĩ Văn học dân gian, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Ngô Đức Thịnh. (2009). *Đạo Mẫu Việt Nam*. t.1. Nxb. Tôn giáo.
- Ngô Văn Doanh. (2015). *Tháp Bà Thiên Ya Na - hành trình của một nữ thần*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Ngọc Thơ. (2016). Vài đặc điểm thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. Số 3.
- Nguyễn Thị Thanh Xuyên. (2016). *Tín ngưỡng thờ Nữ thần của cư dân ven biển tỉnh Khánh Hòa*. Nxb. Mỹ Thuật.
- Phạm Thị Thơm. (2018). Tứ vị Thánh nương và hành trình của một nữ thần biển ở Việt Nam. *Tạp chí Văn hóa dân gian*. Số 4.
- Phan Thị Hoa Lý. (2016). Thờ Thiên Hậu ở miếu của người Việt tại thành phố Hồ Chí Minh - sự dung hợp đa văn hóa. Trong sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- Phan Thị Yên Tuyết. (2016). Hệ thống nữ thần biển trong tín ngưỡng thờ Mẫu và Nữ thần ở vùng biển Nam bộ. Trong sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- Quốc sử quán triều Nguyễn - Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Sử học. (2006). *Đại Nam nhất thống chí*. t.5. Nxb. Thuận Hóa.
- Tỉnh Giác. (13/06/2023). Thiên Hậu Thánh Mẫu là ai? Ý nghĩa và cách thờ cúng. <https://phattuvn.org/thien-hau-thanh-mau.html>
- Trần Thị An. (2009). Tìm hiểu sự hình thành truyền thuyết Tứ vị Thánh nương. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*. Số 2.
- Trần Thị An. (2013). Hiên thánh và tăng quyền, một khảo sát về tục thờ nữ thần biển ở Bắc bộ và Trung bộ. Trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á - Bản sắc và giá trị*. Nxb. Thế giới.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư - Bản kỷ (quyển V)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Ý Thu. (2021). Tín ngưỡng thờ nữ thần trong tâm thức người Quảng. <https://baoquangngai.vn/channel/2028/202103/tin-nguong-tho-nu-than-trong-tam-thuc-nguoi-quang-3047483>